TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2018
V/v Ly hôn: Th - S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Trung
2. Bà Trương Thị Thu Thủy

-***Thư ký phiên tòa:*** Trần Thị Kim Yến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:*** Không tham gia phiên tòa

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1970
Nơi cư trú: Số 165, ấp AH, xã AS, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963
Nơi cư trú: Tổ 02, ấp MCh, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang.
Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2018 và lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày: Bà và ông S chung sống vợ chồng khoảng năm 1987, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã. Bà và ông S nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra

và ngày càng trầm trọng hơn. Bà và ông S đã ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn ông S.

Bà và ông S có 01 con chung Nguyễn Thành S1, sinh năm 1989 đã thành niên và lao động được.

Bà và ông S có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Bản tự khai ngày 10 ngày 5 năm 2018 ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông thống nhất thời gian chung sống, không có đăng ký kết, mâu thuẫn vợ chồng như bà Th trình bày. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th. Ông và bà Th có một con chung đã thành niên và lao động được. Ông và bà Th có tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân:

Bà Th và ông S chung sống vợ chồng năm 1987, không có đăng ký kết hôn. Bà Th và ông So chung sống vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Th và ông S là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Th và ông S có 01 con chung Nguyễn Thành S1, sinh năm 1989 đã thành niên và lao động được.

[3] Về tài sản chung: Bà Th và ông S có tài sản chung nhưng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nợ chung: Không có

[4] Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Bà Th và ông S có 01 con chung Nguyễn Thành S1, sinh năm 1989 đã thành niên và lao động được.

Về tài sản chung: có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002205 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP. Bà Th không còn phải nộp thêm án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thế Văn